



Ảnh hưởng của phổ cập tài chính đến phong trào khởi nghiệp tại các quốc gia OECD

Đình Thị Thanh Vân*, Nguyễn Thục Trang

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 20 tháng 02 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 23 tháng 3 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 3 năm 2018

Tóm tắt: Phổ cập tài chính hay tài chính toàn diện (financial inclusion) và khởi nghiệp đã trở thành những chủ đề nhận được sự quan tâm của giới học giả và hoạch định chính sách tại Việt Nam trong thời gian gần đây. Để khởi nghiệp thành công, một yếu tố quan trọng không thể thiếu là doanh nghiệp cần phải nắm vững các kiến thức về quản lý tài chính. Do vậy, phổ cập tài chính có mối liên hệ và ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp khởi nghiệp. Bài viết đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố trong phổ cập tài chính, dựa trên chỉ số phổ cập tài chính (Findex) do Ngân hàng Thế giới (WB) xây dựng để đánh giá phong trào khởi nghiệp tại các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố như vay mượn từ gia đình, từ các tổ chức tín dụng và mở thẻ ghi nợ ngân hàng có ảnh hưởng quan trọng tới các doanh nghiệp khởi nghiệp. Bài viết cũng đưa ra một số khuyến nghị chính sách cho việc phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Khởi nghiệp, phổ cập tài chính, tài chính toàn diện, phong trào khởi nghiệp.

1. Giới thiệu

Phổ cập tài chính cho biết tỷ lệ của các cá nhân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ tài chính trên toàn thế giới. Theo đó, hơn 2,5 tỷ người trưởng thành - khoảng một nửa dân số trưởng thành trên thế giới - không có tài khoản ngân hàng và hầu hết họ đều gặp phải các rào cản như chi phí, khoảng cách đi lại, số lượng giấy tờ... Theo WB (2014) các cuộc điều tra doanh nghiệp ở 137 nước cho thấy chỉ có 34% các doanh nghiệp tại các nền kinh tế đang phát triển

vay ngân hàng, trong khi tỷ lệ này tại các nền kinh tế phát triển là 51%. Tại các nền kinh tế đang phát triển, 35% doanh nghiệp nhỏ xác định tài chính là một trở ngại chính, trong khi đó chỉ có 16% doanh nghiệp tại các nền kinh tế phát triển đối mặt với vấn đề này [1]. Nghiên cứu trên cả hai mặt lý thuyết và thực nghiệm cũng cho thấy việc phổ cập tài chính đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và giảm đói nghèo [2]. Đối với người nghèo, việc tiếp cận với tiết kiệm và thanh toán tự động hay tiếp cận tín dụng còn yếu. Đối với các doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa và các doanh nghiệp mới, việc cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng có thể mang lại những lợi ích đáng kể [1].

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-904641686.

Email: vandtt@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4146>

Khởi nghiệp (startup) không còn là cụm từ xa lạ đối với nền kinh tế cũng như với sự phát triển của nền kinh tế. Tuy nhiên, các doanh nghiệp khởi nghiệp chủ yếu có quy mô nhỏ và non trẻ. Để thành lập và duy trì hoạt động, doanh nghiệp khởi nghiệp phải đối mặt với khó khăn về tài chính mà nguyên nhân phổ biến của khó khăn này là do hiểu biết tài chính còn hạn hẹp. Vì vậy, nếu thiếu kiến thức về tài chính, các quyết định tài chính mang tính chiến lược của doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ thất bại. Do đó, phổ cập tài chính cho các doanh nghiệp khởi nghiệp là điều hết sức cần thiết. Phổ cập tài chính giúp họ củng cố kiến thức tài chính, phát hiện và loại bỏ những thông tin bất đối xứng để đưa ra quyết định tài chính đúng đắn.

2. Tổng quan nghiên cứu

Sự thành công của các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung và phong trào khởi nghiệp nói riêng là một chủ đề đã được quan tâm thảo luận trong các nghiên cứu trước đây trên thế giới và ở Việt Nam. Hầu hết các nghiên cứu trước đây đều tập trung vào mối liên hệ giữa tăng trưởng doanh nghiệp khởi nghiệp với sự phát triển kinh tế, hoặc với sự phát triển tài chính và thu nhập của các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Việc thiếu vốn được coi là một trong những hạn chế lớn có thể gặp phải đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa [3]. Bên cạnh đó, cơ cấu tài chính của doanh nghiệp là nhân tố quan trọng thứ ba đối với sự thành công của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhân tố này bao gồm các biến số đại diện cho nguồn vốn huy động được từ ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính khác [4]. Ngoài ra, những thách thức đối với sự thành công của các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng có liên quan đến nhân tố nhân khẩu học và môi trường. Do đó, việc tập trung liên tục và chặt chẽ vào tài chính, tư vấn tài chính và cân bằng cuộc sống cũng như công việc sẽ giúp tăng cường tinh thần kinh doanh, thúc đẩy sự thành công của doanh nghiệp khởi nghiệp [5].

Ở một khía cạnh khác, phổ cập tài chính có mối quan hệ mật thiết với những người có thu

nhập thấp. Các tác giả đã tiến hành nghiên cứu thực nghiệm nhằm xem xét mối quan hệ giữa tài chính vi mô và doanh nghiệp nhỏ ở Nigeria, cho thấy các khoản vay cho các doanh nghiệp nhỏ và các khoản vay đến các vùng nông thôn có ảnh hưởng tới sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ. Nghiên cứu chỉ ra phổ cập tài chính sẽ có một tác động đáng kể đối với sự phát triển của các mô hình kinh doanh nhỏ, điều này đòi hỏi các nhà hoạch định tài chính cần có chủ trương, quy định đúng đắn để khuyến khích tài chính trung gian cung cấp cho người nghèo ở nông thôn. Nghiên cứu khuyến nghị tập trung vào sự cấp thiết phải tạo chính sách huy động và cho vay vi mô với chi phí phù hợp cho người nghèo và các nhóm người có thu nhập thấp [6].

3. Cơ sở lý thuyết

3.1. Sự tăng trưởng của doanh nghiệp khởi nghiệp và phong trào khởi nghiệp

Theo European Startup Monitor (2015), các doanh nghiệp có tuổi đời dưới 3 năm mà sử dụng công nghệ hoặc thực tiễn kinh doanh, hoặc có tiềm năng tăng trưởng đáng kể về doanh thu hay việc làm thì được coi là một nhà khởi nghiệp [7].

Cho đến nay vẫn chưa có một định nghĩa rõ ràng về sự tăng trưởng của doanh nghiệp khởi nghiệp. Tuy nhiên, một số nghiên cứu dưới đây đã đề cập tới sự tăng trưởng của doanh nghiệp khởi nghiệp (Bảng 1).

Bảng 1. Nghiên cứu về sự tăng trưởng của doanh nghiệp khởi nghiệp

Tác giả	Nội dung nghiên cứu
Robert W. Fairlie và cộng sự (2016) [8]	Chỉ số hoạt động startup của Kauffman là một chỉ số khá toàn diện về khởi nghiệp tại Mỹ. Ba thành phần chính của chỉ số bao gồm: Tỷ lệ chủ doanh nghiệp mới trong nền kinh tế, cổ phần của chủ doanh nghiệp mới và mật độ khởi nghiệp trong khu vực.

Mariana Klacmer Calopa (2014) [9]	Nghiên cứu đánh giá sự phát triển của các doanh nghiệp mới thành lập, các loại hình doanh nghiệp và các nguồn lực tiềm năng về tài chính ở Croatia; xác định các giai đoạn phát triển của khởi nghiệp cũng như các nguồn lực tài chính trong từng giai đoạn; điều tra liệu quốc gia này có vượt qua giới hạn truyền thống để cập nhật các phương pháp mới về tài chính; đồng thời đóng góp sự hiểu biết tốt hơn về chiến lược tài chính của các dự án kinh doanh.
Paroma Sanyal và Catherine L. Mann (2010) [10]	Nghiên cứu thực hiện dựa trên khảo sát của Kauffman Foundation với các biến: (1) Vốn nội bộ (Internal equity) = 1 khi vốn hoàn toàn thuộc người sở hữu, gia đình họ hay chính những nhân viên của doanh nghiệp khởi nghiệp (26% doanh nghiệp sử dụng vốn chủ sở hữu là nguồn vốn chính). (2) Nợ nội bộ (Internal debt) = 1 khi doanh nghiệp khởi nghiệp có nguồn vốn vay mượn từ gia đình, nhân viên hoặc từ những cá nhân cụ thể khác (3% doanh nghiệp sử dụng loại nguồn vốn này). (3) Nợ bên ngoài (External debt) = 1 khi doanh nghiệp khởi nghiệp có nguồn vốn từ các khoản vay ngân hàng, chính phủ hay các doanh nghiệp khác (70% doanh nghiệp giai đoạn đầu sử dụng nguồn vốn này). (4) Vốn bên ngoài (External equity) = 1 khi doanh nghiệp khởi nghiệp được tài trợ bởi nhà đầu tư thiên thần, chính phủ hoặc vốn liên doanh với các doanh nghiệp khác (chiếm 1,4% doanh nghiệp).

Nguồn: Tổng hợp của tác giả, 2017.

3.2. Phổ cập tài chính đối với doanh nghiệp khởi nghiệp

Hiện nay, tình hình phổ cập tài chính, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, đã được cải thiện đáng kể mặc dù cần thêm thời gian để đánh giá đầy đủ hiệu quả của những thay đổi này. Việc cung cấp dịch vụ tài chính đa dạng hơn đã thúc đẩy sự phát triển tài chính nông thôn, gia tăng sự hiện diện các tổ chức tài chính trong các dịch vụ tài chính nông thôn [11].

Sự phát triển của khoa học công nghệ và Internet đã thúc đẩy sự tiếp cận các dịch vụ tài chính với các tầng lớp dân cư, cho dù chưa thực sự tác động mạnh tới các khách hàng có thu nhập thấp [12]. Đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp thường bị hạn chế về tài chính, đôi khi không tiếp cận được nguồn tài chính chính thức thì cần sử dụng dịch vụ ngân hàng di động (mobile banking) như một công cụ để tăng khả năng tiếp cận tài chính và hỗ trợ phổ cập tài chính. Nghiên cứu cũng chỉ ra khi sử dụng công cụ này, lượng startup tồn tại được qua giai đoạn nguy hiểm sẽ theo dõi tình hình tài chính qua ngân hàng [13]. Nghiên cứu khác lại chỉ ra tín dụng chỉ nên được sử dụng bằng một phần ba về trọng số bình quân ba loại dịch vụ: tiết kiệm, bảo hiểm và tín dụng. Ngoài ra, giáo dục tài chính cũng cần được giải quyết ở tất cả các cấp, tuyên truyền lối sống ưu tiên tiết kiệm hơn là tín dụng [14].

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với nguồn dữ liệu bảng thứ cấp được tổng hợp từ OECD và WB để phân tích các yếu tố phổ cập tài chính ảnh hưởng đến chỉ số tăng trưởng của phong trào khởi nghiệp.

Mô hình xây dựng bao gồm 1 biến phụ thuộc và 8 biến độc lập. Trong đó, biến phụ thuộc là số lượng doanh nghiệp mới tính theo năm gốc (DNM) - đại diện cho sự phát triển của phong trào khởi nghiệp, dựa trên nghiên cứu của OECD năm 2016. Các biến độc lập được lựa chọn trong nhóm chỉ số Findex của WB, đại diện cho phổ cập tài chính bao gồm: Tài khoản tại một tổ chức tài chính (TKM), Tiền tiết kiệm được trong năm (TKN), Vay mượn từ tổ chức tài chính (VNH), Vay mượn từ các nhà đầu tư cá nhân (VDT), Vay mượn từ gia đình và bạn bè (VNT), Thẻ tín dụng (TTD), Thẻ ghi nợ (TGN), Tiền tiết kiệm tại một tổ chức tài chính (TKNH).

$$DNM_{it} = \beta_0 + \beta_1TKM_{it} + \beta_2TKN_{it} + \beta_3VNH_{it} + \beta_4VDT_{it} + \beta_5VNT_{it} + \beta_6TTD_{it} + \beta_7TGN_{it} + \beta_8TKNH_{it} + u_{it}$$

Mô hình được xây dựng nhằm trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu:

* Phổ cập tài chính có tác động đến phong trào khởi nghiệp như thế nào?

* Kinh nghiệm rút ra cho phong trào khởi nghiệp ở Việt Nam là gì?

Dựa vào mô hình, một số giả thuyết được đưa ra như sau:

H₁: Phổ cập tài chính không ảnh hưởng đến phong trào khởi nghiệp

H₂: Tài khoản tại một tổ chức tài chính có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp

H₃: Tiền tiết kiệm được trong năm có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp

H₄: Vay mượn từ tổ chức tài chính có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

H₅: Vay mượn từ các nhà đầu tư cá nhân có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

H₆: Vay mượn từ gia đình và bạn bè có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

H₇: Thẻ tín dụng có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

H₈: Thẻ ghi nợ có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

H₉: Tiền tiết kiệm tại một tổ chức tài chính có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

5. Kết quả

So sánh hồi quy Pooled OLS, REM và FEM:

Sử dụng kiểm định Breuch và Pagan để lựa chọn giữa Pooled OLS và REM thì có kết quả p-value = 0,0045 < 0,5 nên mô hình REM có ý nghĩa hơn và được sử dụng. Kiểm định Hausman, p-value = 0,7631 > 0,5 nên không đủ cơ sở khẳng định sử dụng mô hình FEM có hiệu quả hơn REM. Mô hình REM được lựa chọn và có kết quả như sau:

Tên biến	Hệ số Beta		
	Pooled OLS	REM	FEM
TKM	1,303776	0,2937732	1,409078
TKN	1,495005	-0,3056353	-1,099598
VNH	0,5211566	1,680784	2,158147
VDT	3,431242	1,709247	1,852496
VNT	-3,283285	-2,866108	-5,040571
TTD	-0,2530284	-0,7192158	-1,163169
TGN	-0,2950907	1,628266	3,118206
TKNH	-1,272814	-0,0132852	0,3215963
R bình phương (R ²)	0,3087	0,1209	0,1121

Biến	Hệ số Beta	Sai số chuẩn vững	Giá trị t	Mức ý nghĩa (P-value)
TKM	0,2937732	0,8929514	0,33	0,742
TKN	-0,3056353	0,6931909	-0,44	0,659
VNH	1,680784	1,007756	1,67	0,095
VDT	1,709247	2,242268	0,76	0,446
VNT	-2,866108	0,8082162	-3,55	0,000
TTD	-0,7192158	0,3396377	-2,12	0,034
TGN	1,628266	0,6971767	2,34	0,020
TKNH	-0,0132852	0,5127963	-0,03	0,979

Tiếp tục sử dụng kiểm định Wald và Wooldridge, kết quả cho thấy không có phương sai sai số thay đổi trong mô hình các nhân tố cố định và do mô hình chạy trên 2 năm riêng rẽ là 2011 và 2014 nên không có đủ cơ sở kiểm định sự tương quan chuỗi của mô hình. Kiểm định theo số VIF cho thấy không có tự tương quan giữa các biến độc lập.

6. Kết luận mô hình

Với mức độ tin cậy 95%, p-value của mô hình = 0,0015 < 0,05, do đó mô hình có ý nghĩa thống kê và đủ cơ sở chấp nhận H_1 . R^2 overall = 0,1209 cho thấy mô hình có thể giải thích được 12,09% hiện tượng nghiên cứu. Dựa vào mô hình, không có cơ sở chấp nhận giả thuyết H_1 , H_3 , H_4 , H_5 , H_9 . Cũng với độ tin cậy 95%, mô hình thu được có ý nghĩa thống kê, chấp nhận giả thuyết ban đầu nghiên cứu đưa ra là H_6 , H_7 , H_8 , tương ứng: Phần trăm số người có các khoản vay mượn từ gia đình và bạn bè, Thẻ tín dụng và Thẻ ghi nợ có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp. Trong đó, phần trăm số người có khoản vay mượn từ gia đình và bạn bè (VNT) cũng như số người có một thẻ tín dụng (TTD) lại có tác động ngược chiều đến phong trào khởi nghiệp, trong khi số người có thẻ ghi nợ (TGN) có tác động cùng chiều với phong trào khởi nghiệp. Hệ số β_6 trong bảng kết quả hồi quy cho thấy, với 1 đơn vị tăng lên của Vay mượn từ gia đình và bạn bè (VNT) thì Phong trào khởi nghiệp giảm 2,86 đơn vị. Hệ số β_7 cho thấy, với 1 đơn vị tăng lên của số lượng Thẻ tín dụng (TTD) thì Phong trào khởi nghiệp giảm 0,72 đơn vị. Hệ số β_8 cũng cho biết với 1 đơn vị tăng lên của số lượng Thẻ ghi nợ (TGN) thì Phong trào khởi nghiệp tăng thêm 1,62 đơn vị.

7. Khuyến nghị, giải pháp

7.1. Điều chỉnh nguồn tiền tài trợ từ gia đình và bạn bè

Nghiên cứu chỉ ra mối tương quan ngược chiều giữa lượng tiền vay mượn từ gia đình, bạn bè và phong trào khởi nghiệp. Ở giai đoạn

đầu, các doanh nghiệp khởi nghiệp có thể huy động vốn bằng cách vay mượn từ gia đình và bạn bè với mức giá thấp nhất. Tuy nhiên, khi doanh nghiệp đã hoạt động ổn định hơn, nguồn tài trợ này sẽ trở nên ít thường xuyên hơn. Nhìn chung, các doanh nghiệp khởi nghiệp và phong trào khởi nghiệp tăng trưởng kém là do trong giai đoạn đầu khi doanh nghiệp chưa đi vào ổn định lại phải thường xuyên sử dụng nguồn vốn lưu động từ gia đình trong một năm để chi tiêu cho doanh nghiệp. Do đó, cần có giải pháp gián tiếp giảm lượng tiền tài trợ từ gia đình và bạn bè qua chiến lược huy động vốn từ các nguồn khác.

Huy động vốn cho hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp: Kết quả nghiên cứu cho thấy, phong trào khởi nghiệp tăng trưởng mạnh hơn khi doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các nguồn tài chính hơn. Do đó, để có thêm nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp đi vào hoạt động và ổn định thì bản thân các doanh nghiệp cần sử dụng các loại nguồn vốn trong thị trường tài chính thay vì chỉ sử dụng vốn tự có và vốn gia đình. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp huy động được vốn lớn hơn và tránh rủi ro khởi nghiệp thất bại thiếu tài chính. Ngoài ra, sự cạnh tranh của các ngân hàng tăng lên sẽ kéo theo những điểm lợi thế cho doanh nghiệp khởi nghiệp khi sử dụng vốn vay ngân hàng.

Chiến lược vay mượn tiền từ gia đình và bạn bè: Theo kết quả mô hình, vay mượn tiền từ gia đình và bạn bè có tác động ngược chiều với sự tăng trưởng, phát triển của phong trào khởi nghiệp, do đó cần có những chiến lược đúng đắn hợp lý để sử dụng nguồn vốn này một cách hiệu quả nhằm phục vụ sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp. Trước tiên, việc vay tiền từ gia đình, bạn bè cũng giống như đang vay từ ngân hàng. Các điều khoản có thể tùy chỉnh nhưng cần đảm bảo người vay phải trả nợ. Điều này giúp người vay tự lập hơn và từ bỏ quan niệm: Vay tiền người thân không có áp lực trả nợ đúng hạn. Tiếp đó, doanh nghiệp khởi nghiệp cần phải lập ra kỳ hạn trả tiền cụ thể. Nếu doanh nghiệp không mang lại đủ lợi nhuận, người vay phải tìm cách khác để tăng thu nhập và trả đủ tiền hàng tháng. Cuối cùng,

cần tính lãi và phạt nếu các doanh nghiệp không trả nợ đúng hạn. Nếu người vay muốn trả ít lãi hơn thì sẽ phải rút ngắn thời gian hoàn tiền lại.

7.2. Giảm số lượng người sử dụng thẻ tín dụng

Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối quan hệ ngược chiều giữa số lượng thẻ tín dụng doanh nghiệp khởi nghiệp sử dụng và phong trào khởi nghiệp. Việc mở quá nhiều thẻ tín dụng không chỉ có tác động tiêu cực đến mỗi cá nhân mà còn ảnh hưởng chung đến hoạt động của cả doanh nghiệp. Theo lãnh đạo một ngân hàng, khi xếp hạng tín dụng doanh nghiệp - tiêu chí quan trọng để có thể vay tiền ngân hàng thì việc các cá nhân trong doanh nghiệp mở quá nhiều thẻ tín dụng là điểm bất lợi. Do đó, cần có giải pháp trực tiếp và gián tiếp nhằm giảm số lượng thẻ tín dụng của từng cá nhân trong doanh nghiệp. Đứng trước bấy về thẻ tín dụng, mỗi cá nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp cần trang bị cho mình nền tảng kiến thức cần thiết về thẻ tín dụng. Dù được cấp hạn mức tín dụng khá lớn thì mỗi cá nhân chỉ nên mở một thẻ tín dụng. Để hạn chế số lượng người mở thẻ tín dụng nhiều, ảnh hưởng đến nguồn tài chính cá nhân cũng như nâng cao hiểu biết của người sử dụng, Chính phủ và các cơ quan chức năng cần có các biện pháp giáo dục về tài chính và thẻ tín dụng.

7.3. Dùng thẻ ghi nợ có thể hỗ trợ sự hình thành các doanh nghiệp mới

Do có khả năng giám sát tốt hơn đối với tổ chức đang giữ tiền của mình nên những người dùng thẻ ghi nợ sẽ tiết kiệm được nhiều tiền hơn những người không dùng thẻ. Thông thường, các thẻ ghi nợ thường được dùng để kiểm tra số dư tài khoản trong năm đầu tiên và tiếp theo trong khi tỷ lệ sử dụng cho các giao dịch còn thấp. Khi chủ thẻ bắt đầu tin tưởng ngân hàng không lấy tiền của họ, họ dần kiểm tra tài khoản ít hơn và để lại nhiều tiền hơn trong tài khoản của mình. Khi sự tin tưởng đã được thiết lập, tỷ lệ tiết kiệm tăng lên khoảng 3% đến 5% thu nhập, từ mức hầu như không có gì trước đó. Thậm chí, mức độ tiết kiệm tiền

bằng cách cho khách hàng dùng thẻ ghi nợ còn cao hơn các giải pháp khuyến khích khác như tăng lãi suất, duy trì tài khoản không thu phí hay giáo dục về tài chính. Chính phủ cần khuyến khích các ngân hàng có những chính sách riêng nhằm gia tăng người sử dụng thẻ ghi nợ như phát hành thẻ ghi nợ nội địa và ngoài nước để đa dạng hóa các lựa chọn. Bên cạnh đó, các ngân hàng cần đẩy mạnh việc miễn phí mở thẻ cũng như gia tăng các ưu đãi kèm theo cho chủ thẻ: miễn phí chuyển rút tiền cho tất cả các ngân hàng, không thu phí thường niên tiết kiệm tối đa cho khách hàng sử dụng.

8. Kết luận

Từ mô hình xây dựng và quá trình nghiên cứu, có thể thấy phổ cập tài chính có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp, trong đó nhân tố ảnh hưởng ngược chiều là Vay mượn từ gia đình, bạn bè và Số lượng thẻ tín dụng, yếu tố thuận chiều là Số tài khoản ghi nợ trong nền kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh phổ cập tài chính cá nhân thì vẫn còn nhiều yếu tố khác tác động đến phong trào khởi nghiệp chưa được xem xét. Các chính sách của Việt Nam còn chưa chú trọng đến việc đảm bảo bình ổn các nguồn tài trợ từ các nhà đầu tư thiên thần, nhà đầu tư mạo hiểm gửi để tăng lượng tiền sẵn sàng cung cấp cho doanh nghiệp. Đồng thời, các doanh nghiệp khởi nghiệp vẫn chưa có những chiến lược huy động vốn rõ ràng. Việc nâng cao kiến thức tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp là vấn đề đáng lo ngại và cần được Chính phủ cũng như các tổ chức quốc tế quan tâm hơn nữa. Do vậy, trong thời gian tới, Chính phủ cần có các giải pháp đồng bộ để thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Asli Demircuc- Kunt, "Measuring Financial Inclusion around the World", World Bank Group, Policy Research Working Paper 7255 (2014).
- [2] Atkinson, A. & Messy, F., Measuring financial literacy: Results of the OECD/INFE evidence,

- policies, and practice, Paris: OECD Publishing, 2012.
- [3] Ghosh, B.Teo Sock, “Factors contributing to the Success of Local SMEs: An Insight from Singapore”, *Journal of Small Business and Entrepreneurship*, 10 (1993) 3, 33-46.
- [4] Maher Al-Mahouq, “Success factors of small and medium-sized enterprises(SMEs): The case of Jordan”, *Anadol University journal of social sciences*, Cilt/Vol.: 10 - Say/No:1-16 (2010).
- [5] Mohammed S.Chowdhury, “Success factors of entrepreneurs of small and medium sized enterprises: Evidence from Banladesh”, *Business and Economic Research*, 2013.
- [6] Ajinaja, Tunde & Odeyale, Adeolu John, “Microfinance and the Challenge of Financial Inclusion for Sme’s development in Nigeria”, *IOSR Journal of Business and Management (IOSR - JBM)*, 2017, pp. 11-18.
- [7] European Startup Monitor , “European Startup Monitor 2015”, http://europeanstartupmonitor.com/fileadmin/presentation/download/esm_2015.pdf (2015).
- [8] Fairlie, Robert W. và Reedy, E. J; Morelix, “Kauffman Index of Startup Activity: National Trends 2016”, <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.2828359> (2016).
- [9] Mariana Klacmer Calopa, “Analysis of financing sources for start-up companies”, *Original scientific paper*, UDC 658.14 (497.5) (2014).
- [10] Paroma Sanyal and Catherine L. Mann, “ The Financial Structure of Startup Firms: The Role of Assets, Information, and Entrepreneur Characteristics”, *Federal Reserve Banks of Boston, Working Paper*, No.10-17 (2010).
- [11] Aladdin D.Rillo, “Financial Inclusion in Asia country surveys”, *Asian Development Bank Institution* (2014).
- [12] Paul Breloff, “Tech Start-ups and Financial Inclusion: Trends to Watch in 2013”, *Journal of Advancing Financial Inclusion to Improve the Lives of the Poor* (2013).
- [13] Jennifer Dahlin Ivarsson, “Mobile-banking and entrepreneurship: Is there a link? A case study on South Africa”, *Nationalekonomiska Institutionen*, Box 7082 (2014).
- [14] Colman Msoka, “Financial inclusion and microfinance in Tanzania”, *Inclusive growth: Tanzania Country Report* (2015).

Effects of Financial Inclusion on Startup Establishment in OECD Countries

Dinh Thi Thanh Van, Nguyen Thuc Trang

*VNU University of Economics and Business,
144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam*

Abstract: Financial inclusion and startup are two topics, which recently get attention of academic researchers and policy makers in Vietnam. One of the important factors for setting up a successful startup is the financial capability of the owners. Therefore, financial inclusion has a strong correlation with startup establishment. This article tested the effects of several factors in financial index (findex) developed by World Bank on startup establishment in some OECD countries. The result showed that borrowing from friends and relatives along with from credit institutions and opening a debit account at banks have significant impacts on startup establishment in these countries. Finally, the article presented several recommendations for policy makers to stimulate the startup growth in Vietnam in the next time.

Keywords: Startup, financial inclusion, startup establishment.